

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân An và ông Phan Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế: Bà Nguyễn Lê Diệu Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐ-TA ngày 02/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn G, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị H - Luật sư Công ty Luật Hợp danh Thiên Hà; địa chỉ: Số 99 Nhật Lệ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; đều có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn G, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/8/2013 tại UBND xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T nhiều lần đánh đập chị và con phải nhập viện điều trị, vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng tháng 12 năm 2020 đến nay, không quan

tâm gì đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Phan D, sinh ngày 16/10/2014 và Phan P, sinh ngày 25/5/2016. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con đến tuổi trưởng thành; đề nghị anh T cấp dưỡng cho con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (3.000.000 đồng/2 con/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn- anh Phan T trong quá trình tố tụng, trình bày:

Anh đồng ý như lời trình bày của chị N về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống có một chút mâu thuẫn do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, hai người đã sống ly thân khoảng tháng 12 năm 2020 đến nay. Tuy nhiên, anh vẫn còn yêu thương vợ và các con, mong muốn vợ tha thứ để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con nên người nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất như chị N trình bày về thông tin các con. Anh đồng ý giao cả hai con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; anh sẽ cấp dưỡng cho mỗi con 1.500.000 đồng/tháng (Tức 3.000.000 đồng/2 con/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị N:

Hôn nhân giữa chị N và anh T thực sự không hạnh phúc, anh T đánh đập vợ và con nhiều lần, mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị N.

Về con chung: Đề nghị giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 1.500.000 đồng/tháng (Tức 3.000.000 đồng/2 con/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi như ý kiến của các bên tại biên bản hòa giải.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự;

Về tố tụng: Anh T là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N, anh T đã quá trầm trọng, hai bên không còn sống chung với nhau từ tháng 12/2020 đến nay, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Đề nghị công nhận thỏa thuận giữa chị N và anh T về vấn đề nuôi con sau ly hôn:

Giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/2 con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi như ý kiến của các bên tại biên bản hòa giải. Về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét. Án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng chị N và anh T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh PhanT vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh PhanT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/8/2013, đúng quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình hai người không hòa hợp, anh T có hành vi bạo hành đối với vợ và các con, vợ chồng không còn yêu thương nhau nên đã sống ly thân tháng 12 năm 2020 đến nay. Phía anh T không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh T không có giải pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, hai lần không đến tham dự phiên tòa chứng tỏ anh không có thiện chí xây dựng quan hệ hôn nhân của mình.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi bị đơn cư trú, xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã rất trầm trọng, kéo dài, tình cảm hai bên đã không còn, hôn nhân không có hạnh phúc.

Xét mâu thuẫn hai bên đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N khởi kiện xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Lê Thị N và anh PhanT có 02 con chung tên là: Phan D, sinh ngày 16/10/2014 và Phan P, sinh ngày 25/5/2016. Căn cứ vào ý kiến của các bên trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, cần giao cả 02 con là Phan D và Phan P cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi; anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000đồng, thời điểm cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi là hợp lý.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh PhanT phải chịu án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Phan T.

2. Về con chung: Giao 02 con Phan D, sinh ngày 16/10/2014 và Phan P, sinh ngày 25/5/2016 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi; anh PhanT có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng (Tức 3.000.000 đồng/2 con/tháng); thời điểm cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân đã nộp theo biên lai thu số 0000784 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Anh PhanT phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Nêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND phường/ xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu án
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mai Thị Mộng Trinh